

Bản án số: 173/2022/HS-ST
Ngày: 20-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P, sinh ngày 16/10/1999 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khu phố B, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1972 và bà Võ Thị T, sinh năm 1975; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 16/5/2022 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Ngọc Như Y, sinh năm 2001; cư trú tại: Đường T, phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Võ Thị T, sinh năm 1975; thường trú tại: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 14/5/2022, P điều khiển xe máy biển số 83P3-807.62 đến địa chỉ số 93/1024 đường Lê Đức Thọ, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm gặp bà N nhưng không gặp. Tại địa chỉ trên chỉ có con gái bà N là chị Nguyễn Ngọc Như Y đang ngủ. P nhìn thấy, phía bên trái chị Như Y có để chiếc điện thoại hiệu Vivo V19, màu bạc nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi đã lấy chiếc điện thoại hiệu Vivo V19, P lại tiếp tục mở túi xách đặt bên phải chị Như Y lấy chiếc điện thoại hiệu Iphone 11 ProMax, màu vàng và 3.000.000 đồng. Sau đó, P mở tiếp túi xách được đặt dưới gầm bàn và lấy 01 bộ vòng đeo tay (ximen) gồm 09 vòng tằm khóa 52, 01 nhẫn vàng có gắn đá; 01 nhẫn vàng trơn. Sau khi chiếm đoạt tài sản, P điều khiển xe máy biển số 83P3-807.62 về lại phòng trọ tại địa chỉ Khu phố B, phường Đ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Đến chiều ngày 15/5/2022, P điều khiển xe máy biển số 83P3-807.62 ghé vào tiệm vàng Kim Ngọc H; địa chỉ: E9/9A Thới Hòa, ấp 5, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn T làm chủ bán số vàng đã trộm cắp được trước đó, gồm 01 nhẫn vàng 610, có gắn đá trị giá 3.120.000 đồng; 01 nhẫn vàng 24K, trọng lượng 05 phân với trị giá 2.625.000 đồng. Trên đường về, P ghé vào tiệm vàng Kim Phát Thành D; địa chỉ: 43/8F Phan Văn Đồi, ấp Tiền Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn do ông Nguyễn T làm chủ và bán tiếp 01 bộ vòng tay ximen với trị giá 19.570.000 đồng. Riêng hai chiếc điện thoại di động đã trộm được P cất giấu trong người.

Cùng ngày 15/5/2022, chị Nguyễn Ngọc Như Y trình báo việc bị mất trộm tới Công an Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn T trình bày: Có mua của P 01 bộ vòng xi men, vàng 610 trị giá 19.750.000 đồng. Khi mua, P nói là vàng của vợ, ông T không biết vàng do P phạm tội mà có và đã giao nộp lại bộ vòng vàng nêu trên.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Vì không biết vàng do P trộm cắp mà có nên ông mua của P 01 nhẫn vàng, loại vàng 610; 01 nhẫn trơn, loại vàng 24K, trọng lượng 05 phân với trị giá tổng cộng 5.745.000 đồng. Ông T đã giao nộp 01 nhẫn vàng có đính đá. Đối với 01 nhẫn trơn, ông T đã nấu tan chảy. Ông T không có bất cứ yêu cầu nào trong vụ án.

Bản cáo trạng số 156/CTr-VKS ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Văn P về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Tuyên bố Nguyễn Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe máy biển số 83B3-807.62 và số tiền 6.175.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và quyết tâm sửa chữa, không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên thực hiện hành vi, quyết định tố tụng, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Theo đó, vào khoảng 22 giờ, ngày 14/5/2022, bị cáo điều khiển chiếc xe máy biển số 83P3-807.62 đến địa chỉ số 93/1024 đường Lê Đức Thọ, Phường 6, quận Gò Vấp để gặp bà Phạm Thị N nhưng bà N không có ở phòng trọ. Lúc này, bị cáo nhìn thấy chị Nguyễn Ngọc Như Y là con của bà N đang nằm ngủ, bên trái có để 01 điện thoại di động; do thấy trong phòng trọ không có người nào khác nên bị cáo đã lén lút vào lấy trộm chiếc điện thoại hiệu Vivo V19, rồi

mở chiếc túi xách để bên phải của chị Như Y lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục mở chiếc túi xách để dưới gầm bàn lấy trộm 01 bộ vòng đeo tay bằng vàng (có 09 chiếc), 01 nhẫn bằng vàng có gắn đá, 01 nhẫn bằng vàng trơn. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, bị cáo điều khiển xe quay trở về nhà.

[2.2] Qua ngày 15/5/2022, bị cáo đem bán cho ông Nguyễn Văn T chiếc nhẫn bằng vàng có gắn đá được 3.120.000 đồng, chiếc nhẫn bằng vàng trơn được 2.625.000 đồng và bán cho ông Nguyễn T bộ vòng đeo tay bằng vàng được 19.570.000 đồng.

[2.3] Tại kết luận định giá số 98/Kl-HĐ ĐGTS, ngày 23/5/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự cấp quận của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp đã kết luận giá thị trường tại thời điểm ngày 14/5/2022 của: 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Promax, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng có giá 10.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Vivo V19 (kiểu máy Vivo 1933) đã qua sử dụng có giá 1.500.000 đồng.

[2.4] Và kết luận định giá số 139/Kl-HĐ ĐGTS, ngày 06/7/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự cấp quận của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp đã kết luận giá thị trường tại thời điểm ngày 14/5/2022 của: 01 bộ vòng đeo tay, gồm 09 chiếc vòng loại vàng 14K (61%) có trọng lượng 6,716 chỉ vàng có giá 22.827.600 đồng; 01 nhẫn vàng đeo tay bằng vàng, loại vàng 14K (61%) có trọng lượng 1,352 chỉ vàng, có đính đá Cubic Zirconia tổng hợp không có giá trị có giá 4.596.867 đồng, 01 nhẫn trơn bằng vàng loại vàng 24K có trọng lượng 0,5 chỉ vàng có giá 2.750.000; tổng cộng là 30.174.467 đồng

[2.5] Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với bản kết luận điều tra vụ án hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[2.6] Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, thực hiện một cách cố ý để chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và trả cho bị hại, gia đình bị cáo đã bồi thường thỏa đáng cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tu

sửa bản thân, chăm lo cho gia đình và trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

[5.1] Chiếc xe mô tô biển số 83P3-807.62 là phương tiện, công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[5.2] Chiếc điện thoại hiệu Iphone 11 Promax, chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V19, 01 bộ vòng đeo tay bằng vàng; 01 nhẫn bằng vàng, có đính đá Cubic Zirconia tổng hợp đã trả lại cho bị hại. Số tiền 3.000.000 đồng và giá trị chiếc nhẫn trơn bằng vàng loại vàng 24K (đã bị nấu tan chảy). Chị Y và bà T thỏa thuận trả lại và bồi thường số tiền 5.700.000 đồng. Bị hại không còn yêu cầu nào khác trong vụ án.

[5.3] Quá trình điều tra, bị cáo giao nộp số tiền 25.745.000 đồng, gồm: Tiền bán 02 nhẫn bằng vàng, 01 bộ vòng đeo tay bằng vàng và 430.000 đồng là số tiền còn lại trong khoảng tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn T số tiền 19.570.000 đồng, ông T không có yêu cầu nào khác trong vụ án, còn lại 6.175.000 đồng. Xét thấy, cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc nhẫn bằng vàng có gắn đá mà bị cáo đã bán cho ông Nguyễn Văn T với giá 3.120.000 đồng, do không biết tài sản mà bị cáo bán là do phạm tội mà có nên trả lại số tiền này ông Nguyễn Văn T; số tiền còn lại là 3.055.000 đồng, lẽ ra sẽ được trả lại và bồi thường cho bị hại nhưng mẹ ruột của bị cáo là bà Võ Thị T đã trả lại và bồi thường cho bị hại nên số tiền này được trả lại cho bà T theo điểm c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Nguyễn Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Giao Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo rõ.

3. Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho Nguyễn Văn P đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác

4. Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển số 83P3-807.62, số máy: CGA1501197, số khung: PLSDL11ANHV101094, loại xe hai bánh từ 50-175 cm³, dung tích xi lanh: 147, số loại RAIDER, nhãn hiệu SUZUKI; trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.120.000 đồng và trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 3.055.000 đồng (*theo Quyết định chuyển vật chứng số 68/QĐ-VKS ngày 17/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- VKSND TP.HCM;
- Cơ quan THAHS, CA Q. Gò Vấp
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Sở Tư Pháp TP. HCM
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân